

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Căn cứ năng lực đào tạo của Trường và nhu cầu người học, Trường Đại học Hòa Bình thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026 như sau:

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Quản lý kinh tế	8310110	50	
2	Luật kinh tế	8380107	50	
3	Tài chính ngân hàng	8340201	20	
4	Công nghệ thông tin	8480201	20	
5	Quan hệ công chúng	8320108	20	

2. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học;
- Thời gian đào tạo: 24 tháng – 30 tháng.

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Hòa Bình.

4. Đối tượng và điều kiện xét tuyển

Người tốt nghiệp trình độ đại học có ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển, cụ thể về điều kiện văn bằng:

4.1. Điều kiện văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp được ban hành trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (*Có danh mục ngành phù hợp quy định tại phụ lục 01*);

b) Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học tại trường Đại học Hòa Bình có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy đến thời điểm nộp hồ sơ xếp loại khá trở lên và ngành đang học đại học là ngành phù hợp với ngành hiện đang đào tạo thạc sĩ, có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ;

c) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

4.2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam thể hiện qua một trong các văn bằng, chứng chỉ khi nộp hồ sơ dự tuyển:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Hòa Bình cấp trong thời gian không quá 02 (hai) năm tính đến ngày dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu tiếng Anh đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (quy định tại Phụ lục 02 của thông báo) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

e) Trường hợp thí sinh chưa đủ điều kiện về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định phải thi đánh giá năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường Đại học Hòa Bình.

4.3. Điều kiện về lý lịch

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4.4. Điều kiện về sức khỏe

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, Trường Đại học Hòa Bình sẽ xem xét, quyết định tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu.

4.6. Điều kiện khác:

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo quy định của chương trình đào tạo và tình hình thực tiễn tuyển sinh tại Trường Đại học Hòa Bình.

4.7. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Hòa Bình.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

5.1 Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế

tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Hòa Bình;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

5.2. Mức ưu tiên

Người đăng ký dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 5.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được ưu tiên xét tuyển theo quy định.

6. Kế hoạch phát hành, nhận hồ sơ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển

6.1. Thời gian phát hành, nhận hồ sơ xét tuyển và đăng ký học bổ sung

6.1.1. Phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh

Vào giờ hành chính các ngày làm việc (từ thứ hai đến thứ sáu) cụ thể:

- Phát hành hồ sơ: từ ngày **03/02/2026**;
- Nhận hồ sơ: từ ngày **04/02/2026**.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển cao học gồm:

- a) 01 Đơn xin xét tuyển cao học;
- b) 01 Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học. Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học năm 2025 chưa có bằng tốt nghiệp, yêu cầu Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học. Thí sinh tốt nghiệp đại học hệ liên thông yêu cầu nộp thêm 01 bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm hệ cao đẳng, trung cấp;
- c) Đối với sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học tại trường cần có giấy xác nhận kết quả học tập của Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên khi đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ;
- d) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương, hoặc thủ trưởng cơ quan công tác;
- đ) Các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định (bản photo công chứng, với đối tượng miễn Ngoại ngữ);
- e) 01 Bản sao có công chứng chứng chỉ học bổ sung kiến thức/chứng nhận kết quả học bổ sung kiến thức hoặc Biên nhận đăng ký học bổ sung kiến thức;
- f) 04 Ảnh màu cỡ 3x4 (ghi rõ họ tên và ngày sinh vào mặt sau ảnh), thời gian chụp ảnh

không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

g) 01 Bản sao có công chứng các giấy tờ hợp lệ về đối tượng ưu tiên hoặc minh chứng thời gian công tác liên tục trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý (nếu có);

h) 01 Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học nước ngoài cấp (nếu có);

Thí sinh nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của văn bằng/chứng chỉ đã nộp. Nhà trường chỉ nhận hồ sơ tuyển sinh theo mẫu do Trường phát hành và không hoàn trả lại hồ sơ sau khi đã nộp. Các thay đổi hoặc thiếu sót phải được bổ sung đầy đủ trước ngày thi, xét tuyển.

6.1.2. Đăng ký học bổ sung kiến thức đối với thí sinh xét tuyển cao học

Từ ngày **09/03/2026**: đối với thí sinh phải bổ sung kiến thức theo quy định tại danh mục ngành phù hợp theo từng ngành đào tạo kèm theo.

6.2. Thời gian công bố kết quả xét tuyển

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Căn cứ vào tình hình thực tiễn tuyển sinh, Nhà trường sẽ có thông báo kết quả xét tuyển.

7. Học phí, lệ phí

7.1. Học phí toàn khóa học: 58.000.000 đồng.

7.2. Lệ phí:

a) Lệ phí hồ sơ: 300.000 đồng/hồ sơ;

b) Lệ phí xét tuyển: 600.000 đồng;

c) Lệ phí ôn tập và dự thi ngoại ngữ: 2.000.000 đồng (đối với ứng viên phải dự thi ngoại ngữ);

d) Học phí học chuyển đổi và bổ sung kiến thức: 800.000 đồng/môn học.

8. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

- Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Hòa Bình

Địa chỉ: Số 8, Bùi Xuân Phái, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội;

Điện thoại: 0989.564.867.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Các tổ chức, cá nhân;
- Đăng Website;
- Lưu VT, SDH.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHỤ TRÁCH TRƯỜNG



TTUT.PGS.TS. Nguyễn Hoàng Long

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành	Ngành phù hợp với ngành đào tạo	Danh mục môn học bổ sung kiến thức
1. Công nghệ thông tin	Nhóm ngành 1. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin, ngành Sư phạm Tin học. Nhóm ngành 2. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo thuộc: + Nhóm 2.1: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học, Tin học quản lý, Tin học su phạm. + Nhóm 2.2: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông, Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông, Kỹ thuật mật mã, điện tử hàng không... Ứng viên thuộc đối tượng tốt nghiệp đại học nhóm ngành 2.1, 2.2 phải học bổ sung kiến thức tương ứng.	1. Kiến trúc máy tính (3TC) 2. Nhập môn cơ sở dữ liệu (3TC) 3. Lập trình C++ (3TC) 4. Nhập môn Kỹ nghệ phần mềm (3TC) 5. Toán rời rạc 1 (3TC) Cụ thể: + Nhóm 2.1: học bổ sung 3 môn (1, 2, 3) + Nhóm 2.2: học bổ sung 4 môn (2,3,4,5)
2. Quan hệ công chúng	Nhóm ngành 1. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Báo chí và Truyền thông (Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Thông tin - Thư viện, Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng, Xuất bản - Phát hành) Nhóm ngành 2. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo thuộc: + Nhóm 2.1: Các ngành thuộc nhóm ngành Nhân văn, Điện ảnh - Truyền hình, ngành Công tác xã hội + Nhóm 2.2: Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học xã hội và hành vi, Kinh doanh và Quản lý... Ứng viên thuộc đối tượng tốt nghiệp đại học nhóm ngành 2.1, 2.2 phải học bổ sung kiến thức tương ứng.	1. PR đại cương (3TC) 2. Tổ chức sự kiện (3TC) 3. Truyền thông đại chúng (3TC) 4. PR với quảng cáo và tiếp thị (3TC) 5. Cơ sở văn hóa Việt Nam (3TC) Cụ thể: + Nhóm 2.1: học bổ sung 3 môn (từ 1 đến 3) + Nhóm 2.2: học bổ sung 5 môn (từ 1 đến 5)

Chuyên ngành	Ngành phù hợp với ngành đào tạo	Danh mục môn học bổ sung kiến thức
	2.2 phải học bổ sung kiến thức tương ứng	đến 5)
3. Tài chính ngân hàng	Nhóm ngành 1. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo thuộc mã ngành Tài chính - Ngân hàng. Gồm có: Tài chính tín dụng; Tài chính doanh nghiệp; Tài chính lưu thông tiền tệ; Đầu tư tài chính Nhóm ngành 2. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo thuộc: + Nhóm 2.1: Các ngành thuộc nhóm ngành Bảo hiểm. + Nhóm 2.2: Kế toán, Kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp; Kế toán tổng hợp; Kế toán thương mại; Kế toán XD/CB; Kế toán thuế, Quản trị Kinh doanh, Quản trị kinh doanh các ngành, các lĩnh vực, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, kinh doanh các ngành sản xuất – dịch vụ, Quản trị Marketing; Ngành Quản trị - quản lý: Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản lý dự án, Quản trị khách sạn, Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý kinh tế các ngành, Quản lý khoa học công nghệ... Ứng viên thuộc đối tượng tốt nghiệp đại học nhóm ngành 2.1, 2.2 phải học bổ sung kiến thức tương ứng	1. Tài chính tiền tệ (3TC) 2. Tài chính doanh nghiệp (3TC) 3. Ngân hàng thương mại (3TC) 4. Quản trị ngân hàng (3TC) 5. Phân tích tài chính (3TC) 6. Kinh tế vĩ mô (3TC) Cụ thể: + Nhóm 2.1: học bổ sung 4 môn (từ 1 đến 4) + Nhóm 2.2: học bổ sung 6 môn (từ 1 đến 6)
4. Quản lý kinh tế	Nhóm ngành 1. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo thuộc: + Nhóm 1.1: Kinh tế học; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Kinh tế chính trị; Thống kê kinh tế... + Nhóm 1.2: Kinh doanh (Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử...); Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm: (Tài chính Ngân hàng - Bảo hiểm: (Tài chính - Ngân hàng, Bảo	1. Khoa học quản lý (3TC) 2. Quản lý nhà nước về kinh tế (3TC) 3. Kinh tế phát triển (3TC) 4. Kinh tế vi mô (3TC) 5. Kinh tế vĩ mô (3TC) Cụ thể:

Chuyên ngành	Ngành phù hợp với ngành đào tạo	Danh mục môn học bổ sung kiến thức
	hiếm); Kế toán, Kiểm toán: (Kế toán, Kiểm toán); Quản trị - Quản lý: (Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, quản trị văn phòng...) + <i>Nhóm 1.3</i>: Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo: Kinh tế công nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế thủy sản; Kinh tế xây dựng; Kinh tế giao thông; Kinh tế bưu chính viễn thông; Kinh tế vận tải; Kinh tế bảo hiểm; Kinh tế thương mại, Kinh tế lao động... <i>Nhóm ngành 2</i>. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo bao gồm những ngành phù hợp khác là những ngành được trang bị kiến thức nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng. Ứng viên tốt nghiệp các ngành phù hợp khác cần điều kiện đã hoặc đang làm việc trong lĩnh vực Quản lý kinh tế... <i>Ứng viên thuộc đối tượng tốt nghiệp đại học nhóm ngành 2 phải học bổ sung kiến thức tương ứng</i>	+ <i>Nhóm 2: học bổ sung 5 môn (từ 1 đến 5)</i>
5. Luật kinh tế	<i>Nhóm ngành 1</i>. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Luật: Luật Kinh tế, Luật học, Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Luật hình sự và Tố tụng hình sự; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật Quốc tế, Luật kinh doanh, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm. <i>Nhóm ngành 2</i>. Tốt nghiệp đại học các ngành đào tạo: + <i>Nhóm 2.1</i>: Quyền con người; Kinh tế học; Kinh tế chính trị; Kinh tế phát triển; Kinh tế đầu tư; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh	1. Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật (3TC) 2. Luật Hiến pháp/Luật hành chính (3TC) 3. Luật hình sự/tố tụng hình sự (3TC) 4. Luật dân sự/tố tụng dân sự (3TC) 5. Luật doanh nghiệp/Luật thương mại 6. Pháp luật về lao động

Chuyên ngành	Ngành phù hợp với ngành đào tạo	Danh mục môn học bổ sung kiến thức
	thương mại; Tài chính ngân hàng; Tài chính doanh nghiệp; Quản lý công; Chính sách công; Kế toán; Kiểm toán; Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh; Thương mại; Thương mại điện tử; Kinh tế quốc tế; Quản lý Nhà nước; Điều tra hình sự; Quản trị doanh nghiệp; Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực + <i>Nhóm 2.2: Kinh tế đối ngoại, Xã hội học; Giáo dục Chính trị; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Hành chính học; Khoa học chính trị; Chính trị học; Quản lý Nhà nước về an ninh trật tự; Thị hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Bảo hiểm, Bảo chí, quan hệ công chúng, Quan hệ lao động; Kinh tế tài nguyên; Kinh tế vận tải; Kinh tế Nông nghiệp; Bất động sản; Quản lý xã hội; Quản lý đô thị; Quản lý xây dựng; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý nguồn lợi thủy sản; Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý khoa học công nghệ; Quản lý thị trường...</i> <i>Ứng viên thuộc đối tượng tốt nghiệp đại học nhóm ngành 2.1, 2.2 phải học bổ sung kiến thức tương ứng</i>	7. Pháp luật về đất đai, môi trường <i>Cụ thể:</i> + <i>Nhóm 2.1: học chuyển đổi 5 môn (từ 1 đến 5)</i> + <i>Nhóm 2.2: học chuyển đổi 7 môn (từ 1 đến 7)</i>

** Lưu ý: Đối với nhóm ngành không thuộc danh mục ngành phù hợp quy định tại phụ lục này Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét và quyết định việc ứng viên có đủ điều kiện về văn bằng xét tuyển trình độ thạc sĩ năm 2026.*

PHỤ LỤC 02

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương bậc 3	Tương đương bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill.	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL	B1	B2
		PEIC	Level 2	Level 3
		PTE Academic	43 - 58	59 - 75
		CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplome de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplome de Langue
2	Tiếng Pháp			

3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	TPKH - Test no pycicomy 5I3bIKy KaK mocrpaniomny	TPKH-1	TPKH-2

PHỤ LỤC 03

**DANH MỤC CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC PHÉP TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH THEO KHUNG
NÂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC ĐỪNG CHO VIỆT NAM TÍNH ĐẾN THÁNG 12/2025**

TT	TÊN TRƯỜNG	TT	TÊN TRƯỜNG
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	20	Học viện Khoa học Quân sự
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
5	Đại học Thái Nguyên	24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
6	Trường Đại học Cần Thơ	25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội	26	Trường Đại học Ngoại Thương
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
9	Trường Đại học Vinh	28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
10	Trường Đại học Sài Gòn	29	Đại học Kinh tế TP. HCM
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	30	Trường Đại học Lạc Hồng
12	Trường Đại học Trà Vinh	31	Trường Đại học Đồng Tháp
13	Trường Đại học Văn Lang	32	Trường Đại học Duy Tân
14	Trường Đại học Quy Nhơn	33	Trường Đại học Phenikaa
15	Trường Đại học Tây Nguyên	34	Học Viện Ngân hàng
16	Học viện An ninh Nhân dân	35	Trường Đại học Tài chính – Marketing
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền	36	Trường Đại học Thành Đông
18	Trường Đại học Công Thương	37	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
19	Trường Đại học Thương mại	38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

